

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

Bản án số: 01/2022/HC -PT
Ngày 07 tháng 9 năm 2022
V/v hủy Quyết định hành chính

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Huyền.
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trường Sơn;
Ông Nguyễn Việt Tiến.
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Vân -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Kim Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 01/2022/TLPT-HC ngày 28/6/2022 về việc “Khiếu kiện hủy Quyết định hành chính”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2022/HC-ST ngày 06/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố V bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐPT-HC ngày 08 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Lê Thị T, sinh năm 1962; địa chỉ: Khu Q, phường D, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Ông Trần Mạnh D, sinh năm 1971; địa chỉ: Số nhà 3, tổ 2, phố T, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Người bị kiện: Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố V, tỉnh Phú Thọ; địa chỉ: Số 1166 đại lộ H, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Người đại diện theo pháp luật: Bà Trịnh Thị Xuân D– Chức vụ: Giám đốc Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố V. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Hải A– Chức vụ: Phó Giám đốc Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân phường D; địa chỉ: Phường D, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Quốc K – Chức vụ: Chủ tịch UBND phường D. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đại H– Chức vụ: Phó chủ tịch UBND phường D.

(Ông D có mặt; ông A, ông H có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày: Ngày 23/7/2021, ông Trần Mạnh D (là người nhận ủy quyền của bà) đã nộp

hồ sơ đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với thửa đất số 9, tờ bản đồ số 12, diện tích 583m² Tộc khu Q, phường D, thành phố V, tỉnh Phú Thọ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Tộc Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) thành phố V. Sau khi nộp hồ sơ, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố V đã có Công văn số: 1466/CV-VPĐKQSDĐ ngày 06/9/2021 gửi ông D, bà T với nội dung: Ngày 01/9/2021, UBND phường D đã xác nhận trong Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 9, tờ bản đồ số 12, diện tích 583m² Tộc khu Q, phường D, thành phố V, tỉnh Phú Thọ là Tộc quỹ đất công ích UBND phường và không phù hợp quy hoạch. Căn cứ khoản 2 Điều 19 Nghị định: 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì bà Lê Thị T không đủ điều kiện đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Bà cho rằng bà làm đơn đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu nên theo Điều 105 của Luật đất đai 2013, Quyết định số: 1686/QĐ-BTNMT ngày 30/8/2021 của Bộ tài nguyên và môi trường thì thẩm quyền xem xét và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là của Ủy ban nhân dân thành phố V chứ không phải của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố V. Bà đề nghị Tòa án nhân dân thành phố V:

- Hủy Công văn số: 1466/CV-VPĐKQSDĐ ngày 06/9/2021 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố V do ban hành trái thẩm quyền, tiếp nhận lại hồ sơ đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà để trình Phòng tài nguyên môi trường thẩm định trình Ủy ban nhân dân thành phố V xem xét theo quy định.

- Yêu cầu Ủy ban nhân dân phường D phải kết luận lại về nguồn gốc đất theo đúng quy định của Điều 132 Luật đất đai. Gia đình bà không ký hợp đồng Thuê đất công ích của Ủy ban nhân dân phường nên đây không phải là đất công ích. Việc Ủy ban nhân dân phường D kết luận không phù hợp quy hoạch nhưng không nêu rõ quy hoạch nào, duyệt năm nào là không đúng quy định; gây khó khăn, cản trở quyền của người dân.

Tại bản tự khai ngày 28/01/2022 và Biên bản lấy lời khai ngày 10/02/2022, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện có quan điểm: Yêu cầu hủy Công văn số: 1466/ CV-VPĐKQSDĐ ngày 06/9/2021 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố V, tiếp nhận lại hồ sơ đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T để trình Phòng tài nguyên môi trường thành phố V thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố V xem xét theo quy định của pháp luật. Ngoài ra bà T không yêu cầu Tòa xem xét bất kỳ vấn đề nào khác.

2. *Người bị kiện Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố V và đại diện theo ủy quyền trình bày:* Thời gian tiếp nhận và trả lời cũng như nội dung Công văn số: 1466/CV-VPĐKQSDĐ ngày 06/9/2021 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố V đúng như người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền trình bày. Văn phòng cho rằng theo quy định của khoản 2 và điểm c khoản 5 Điều 60, khoản 3 và khoản 4 Điều 70 của Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP; mục 8.I. phần II Quy trình nội bộ giải quyết đối với thủ tục hành chính (ban hành kèm theo Quyết định số 2564/QĐ-UBND ngày 14/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ) thì Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất xác nhận vào đơn

đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hồ sơ không đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận. Do đó, Công văn số: 1466/CV-VPĐKQSDĐ ngày 06/9/2021 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố V là ban hành đúng quy định.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Ủy ban nhân dân phường D có lời khai thể hiện: Căn cứ sổ mục kê, sổ địa chính xác lập năm 1999 đang lưu giữ tại Ủy ban nhân dân phường thì các thửa đất số: 284, 285, 323, 346 đều thuộc tờ bản đồ số 09 là đất công ích do địa phương quản lý. Diện tích đất bà T đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện có một phần thuộc các thửa đất nêu trên, cụ thể: Thửa đất số: 284, tờ bản đồ 09 chiếm 101m²; thửa đất số: 285, tờ bản đồ 09 chiếm 508 m²; thửa đất số 323, tờ bản đồ 09 chiếm 508m²; thửa đất số 346, tờ bản đồ chiếm diện tích 100m²

Tại sổ bộ thuế không thể hiện bà Lê Thị T có kê khai nộp thuế đối với các thửa đất này. Do vậy, việc bà T cho rằng kết luận của Ủy ban nhân dân phường D không đúng là không có căn cứ, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố V giải quyết theo quy định và cho phép Ủy ban nhân dân phường D vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết và xét xử vụ án.

Ngày 25/01/2022, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố V đã ban hành Công văn số: 117/CV-VPĐKQSDĐ với nội dung: Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố V xin thu hồi và hủy Công văn số: 1466/ CV-VPĐKQSDĐ ngày 06/9/2021 về việc giải quyết hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lê Thị T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2022/HC-ST ngày 06/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố V đã:

Căn cứ khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính;

Áp dụng khoản 1 Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính, khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

[1]. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T đối với người bị kiện là Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố V.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Kháng cáo: Ngày 20/5/2022 ông Trần Mạnh D - Là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Lê Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm số 01/2022/HC-ST ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì và đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Trần Mạnh D - Là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Lê Thị T vẫn giữ nguyên kháng cáo. Hiện nay, ông D đã làm hồ sơ đề nghị cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm: Về

việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận kháng cáo của ông Trần Mạnh D – Là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Lê Thị T. Căn cứ khoản 2 Điều 241 Bộ luật tố tụng hành chính, sửa Bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2021/HC-ST ngày 26/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố V

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở ý kiến trình bày của các bên đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét kháng cáo nội dung kháng cáo của ông Trần Mạnh D: Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện của bà Lê Thị T (do ông Trần Mạnh D là người nhận ủy quyền) và tài liệu có trong hồ sơ thấy rằng: ngày 23/7/2021, ông Trần Mạnh D nộp hồ sơ Đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 9, tờ bản đồ số 12, diện tích 583m² thuộc khu Q, phường D, thành phố V tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân thành phố V. Sau khi tiếp nhận hồ sơ của bà Lê Thị T, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đã chuyển hồ sơ đến Ủy ban nhân dân phường D kiểm tra. Tại bút lục 16 có trong hồ sơ thể hiện: Ủy ban nhân dân phường D đã căn cứ sổ mục kê, sổ địa chính xác lập năm 1999 và sổ bộ thuế đang lưu trữ tại Ủy ban nhân dân phường, xác nhận tại mục II đơn đăng ký như sau: *Nội dung kê khai so với hiện trạng: Đúng; Về nguồn gốc: Theo hồ sơ địa chính là thuộc quỹ đất công ích UBND phường quản lý; Sự phù hợp quy hoạch: Không phù hợp.* Vì vậy, đối chiếu với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP quy định trình tự, thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất....thì Ủy ban nhân dân phường D xác nhận nguồn gốc sử dụng đất là không phù hợp với quy hoạch.

Tuy nhiên, sau khi kiểm tra và xác nhận, chưa thể hiện việc Ủy ban nhân dân phường D niêm yết kết quả kiểm tra hồ sơ, xác nhận hiện trạng.

Sau khi có xác nhận và kết quả của Ủy ban nhân dân phường D, ngày 06/9/2021 Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đã xác nhận vào đơn đăng ký của bà Lê Thị T là không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đồng thời, ban hành văn bản số 1466/CV-VPĐKQSĐĐ ngày 06/9/2021 với nội dung: *Ngày 01/9/2021, các thửa đất nêu trên đã được UBND phường D xác nhận tại mục II đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ...*

Khoản 2 Điều 19 Nghị định 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về các trường hợp không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất

”...2. Người đang quản lý, sử dụng đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn...”

Căn cứ quy định trên, bà Lê Thị T không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Việc Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất xác nhận nội dung và ban hành

văn bản thông báo số 1466/CV-VPĐKQSDĐ ngày 06/9/2021 là phù hợp với quy định tại Điều 60 Nghị định 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014, được sửa đổi bởi khoản 19 Điều 1 Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính Phủ.

Căn cứ nội dung đơn đăng ký của bà T và quy định trên thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ là Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố V (được thành lập theo Quyết định số 1942/2011/QĐ-UBND ngày 07/3/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố V, theo nội dung Quyết định thì Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Thông tư liên tịch số 05/2010/BTNMT – BNV - BTC ngày 15/3/2010 của Bộ Tài nguyên và môi trường, Bộ Nội Vụ, Bộ tài chính), việc ban hành văn bản thông báo số 1466/CV-VPĐKQSDĐ cho bà T của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất là đúng thẩm quyền.

Quá trình thụ lý và giải quyết ở cấp sơ thẩm, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất ban hành văn bản số 117/CV-VPĐKQSDĐ ngày 25/01/2022 với nội dung, thu hồi và hủy Công văn số 1466/CV-VPĐKQSDĐ ngày 06/9/2021 về việc giải quyết hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của công dân. Bản án số 01/2022/HS-ST ngày 06/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố V nhận định là hiện nay tỉnh Phú Thọ chưa thành lập Văn phòng đăng ký đất đai theo khoản 2 Điều 105 của Luật Đất đai 2013 và điểm b khoản 2 Điều 37 của Nghị định 43/2014/NĐ-CP quy định về thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chỉ Ủy ban nhân dân cấp huyện..là cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên việc xác định đủ điều kiện đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là trách nhiệm và thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện. Tuy nhiên, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện tiếp nhận hồ sơ đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết thì cơ quan nhận hồ sơ có trách nhiệm trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do không đủ điều kiện giải quyết. Việc bà T nộp hồ sơ tại bộ phận một cửa Tộc UBND thành phố V là đúng quy định, nhưng căn cứ quy định tại Điều 60 của Nghị Định 43/NĐ - CP ngày 15/5/2014, được sửa đổi bởi khoản 19 Điều 1 Nghị định 148/NĐ - CP ngày 18/12/2020 và Quyết định số 1942 quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn thì Văn phòng đăng ký quyền sử đất thành phố V ban hành văn bản số 1466/CV thông báo và trả lời cho bà T là phù hợp với quy định của pháp luật...Người khởi kiện yêu cầu hủy Văn bản số 1466/CV-VPĐKQSDĐ ngày 06/9/2021 về việc giải quyết hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của công dân, đồng thời người bị kiện đã có văn bản số 117/CV-VPĐKQSDĐ ngày 25/01/2022 với nội dung là thu hồi và hủy Công văn số 1466/CV-VPĐKQSDĐ ngày 06/9/2021 về việc giải quyết hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của công dân. Căn cứ tại mục 3. III của Công văn số 64/TANDTC-PC ngày 03/4/2019 của Tòa án nhân dân tối cao. Trong trường hợp này, Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính để tùy vào từng trường hợp cụ thể mà bác yêu cầu khởi kiện nếu yêu cầu đó không có căn cứ pháp luật hoặc chấp nhận một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện nếu quyết định hành chính bị khởi kiện, quyết định hành chính mới trái pháp luật. Lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện và xem xét tính hợp pháp của của quyết định hành chính bị khởi kiện và quyết định hành chính mới, sau đó mới chấp nhận hoặc bác yêu cầu khởi kiện nếu yêu cầu đó không có căn cứ. Mặc dù việc chấp

nhận yêu cầu khởi kiện hoặc bác yêu cầu khởi kiện thì cũng không thay đổi bản chất của nội dung sự việc. Văn bản số 1466/CV-VPĐKQSDĐ ngày 06/9/2021 người khởi kiện yêu cầu huỷ người bị kiện đã thu hồi và huỷ.

Từ những nhận định trên không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Mạnh D không có cơ sở chấp nhận.

[3]. Về án phí hành chính phúc thẩm: Kháng cáo của ông Trần Mạnh D không được chấp nhận nên phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính: Bác kháng cáo của ông Trần Mạnh D - Là người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện bà Lê Thị T. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2022/HC-ST ngày 06/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính;

Áp dụng khoản 1 Điều 348, Điều 349 của Luật Tổ tụng hành chính, khoản 1 Điều 32, khoản 1 Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

[1]. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T về việc huỷ văn bản số 1466/CV-VPĐKQSDĐ ngày 06/9/2021 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố V.

[2]. Về án phí hành chính phúc thẩm:

Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Lê Thị T (ông Trần Mạnh D nộp thay theo uỷ quyền) phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hành chính phúc thẩm. Xác nhận ông D đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2020/0009335 ngày 16/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- TAND TP. V
- Người khởi kiện;
- Người ĐDUQ người khởi kiện;
- Người bị kiện;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu Huyền

